

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thành

Ông Nguyễn Thanh Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**
Ông Đỗ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh Zhang, Wan - L, sinh năm 1976; cư trú tại: số M, đường H, thôn N, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh K, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 15/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị và anh Zhang, Wan - L kết hôn vào ngày 23 tháng 8 năm 2012, đăng ký tại Bộ Dân chính nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số M, đường H, thôn N, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh K, Trung Quốc. Đến đầu tháng 4 năm 2014, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng ngôn ngữ, không hợp nhau. Sau đó, chị về Việt Nam sống và ly thân với anh Zhang, Wan - L từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không

hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Zhang, Wan – L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Zhang, Wan – L được Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Zhang, Wan – L về việc chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện ly hôn với anh nhưng không có kết quả. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên kênh dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thông báo yêu cầu anh Zhang, Wan – L tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn không có kết quả. Căn cứ Điều 227, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Phương T và anh Zhang, Wan – L.

[2] Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Zhang, Wan – L kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Bộ Dân chính nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và thực hiện ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T là công dân Việt Nam với anh Zhang, Wan – L quốc tịch Trung Quốc là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy chị Nguyễn Thị Phương T và anh Zhang, Wan – L kết hôn do mai mối, việc tìm hiểu nhau chưa kỹ. Theo chị Nguyễn Thị Phương T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị về Việt Nam sống và không còn liên lạc với anh Zhang, Wan – L từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay. Xét thấy hai người ở hai nước khác nhau, trong thời gian dài không còn liên lạc với nhau, điều này thể hiện không còn chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy có căn cứ để xác định chị Nguyễn Thị Phương T và anh Zhang, Wan – L đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu ly hôn với anh Zhang, Wan – L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Nguyễn Thị Phương T khai không có và không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Zhang, Wan – L.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí và chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Phương T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000480 ngày 03/7/2023 và số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác theo biên lai thu số 0000497 ngày 17/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết chỉ Nguyễn Thị Phương T được quyền kháng cáo. Anh Zhang, Wan – L được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHM: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư